MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TRONG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

ĐINH NHƯ HOÀI
Học viện Chính trị khu vực III

Nhận bài ngày 25/6/2025. Sửa chữa xong 20/6/2025. Duyệt đăng 05/7/2025.

Abstract

Vietnam is a multi-ethnic country. To achieve comprehensive and sustainable development, it is essential to mobilize and effectively use resources in ethnic minority areas. This article focuses on clarifying general theoretical issues related to mobilization and use of resources in these areas, including definitions and the key elements that constitute resources in ethnic minority regions.

Keywords: *Mobilization, use of resources, ethnic minority areas.*

1. Đặt vấn đề

Theo Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội (KT-XH) của 53 dân tộc thiểu số (DTTS) năm 2019, Việt Nam hiện có 14,1 triệu người DTTS. Trong những năm qua, đồng bào các DTTS đã và đang đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển KT-XH của đất nước. Với đặc trưng là một quốc gia đa dân tộc, để có thể phát triển bền vững, Việt Nam cần huy động và sử dụng các nguồn lực trong vùng DTTS một cách hiệu quả. Ngày 15 tháng 01 năm 2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Nghị quyết đã thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về huy động, sử dụng NL nói chung cũng như việc trong huy động, sử dụng nguồn lực vùng DTTS.

Để có thêm cơ sở lý luận cho nghiên cứu khoa học và quản lý thực tiễn nâng cao vai trò NL của các DTTS trong phát triển đất nước, phát triển KT-XH vùng DTTS, bài viết đi sâu vào làm rõ một số vấn đề lý luận chung về huy động, sử dụng nguồn lực trong vùng DTTS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm huy động, sử dụng nguồn lực trong vùng dân tộc thiểu số

Theo từ điển tiếng Việt, huy động là điều một số đông, một số lớn vào một công việc gì. Sử dụng là dùng, lấy làm phương tiện để phục vụ nhu cầu, mục đích nào đó. Nguồn lực là một từ ghép có nghĩa là nơi bắt đầu, nơi phát sinh hoặc nơi cung cấp sức mạnh [1].

Cho đến nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm nguồn lực. Theo tác giả Lê Du Phong (2006), nguồn lực là tổng hợp các yếu tố vật thể và phi vật thể tạo nên nền kinh tế của một đất nước và thúc đẩy nó phát triển [2]. Nhóm tác giả Ngô Doãn Vịnh và cộng sự (2011) cho rằng, nguồn lực phát triển là tất cả "các yếu tố đầu vào" đang sử dụng hoặc ở dạng dự trữ, dự phòng sẵn sàng sử dụng phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của xã hội [3].

Tác giả Dương Trần Việt (2014) cho rằng, nếu hiểu theo nghĩa hẹp, nguồn lực là tổng thể các nguồn vật chất cho sự phát triển như tài nguyên thiên nhiên, tài sản vốn bằng tiền, … Theo nghĩa rộng, nguồn lực được hiểu là tổng thể tất cả những lợi thế, tiềm năng vật chất và phi vật chất để phục vụ cho một mục tiêu phát triển nhất định [4].

Email: nhuhoaidinh54@gmail.com

Theo tác giả Nguyễn Văn Thạo (2017), nguồn lực để phát triển của một đất nước bao gồm: các tài nguyên thiên nhiên; như: đất, nước, các tài nguyên khoáng sản (kim loại và phi kim loại), các nguồn năng lượng, các danh lam, thắng cảnh, sự đa dạng sinh học…; các tài sản (máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, phương tiện, hệ thống kết cấu hạ tầng…); các nguồn lực tài chính (của nhà nước, của dân cư, các doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ quốc gia); khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của đất nước [5].

Tác giả Đoàn Minh Huấn (2022) lại cho rằng nguồn lực là toàn bộ tài sản, tài nguyên, sức mạnh vốn có sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc dự trữ để phục vụ cho sản xuất và đời sống con người [6].

Như vậy, có nhiều cách tiếp cận cũng như cách định nghĩa khác nhau về nguồn lực. Nhìn chung, có thể hiểu nguồn lực là tổng thể tất cả các yếu tố vật chất và phi vật chất tạo nền tảng cho sự phát triển của xã hội.

Trong bài viết này xác định, nguồn lực trong vùng DTTS là tổng thể tất cả các yếu tố vật chất và phi vật chất thuộc địa bàn người DTTS sinh sống, tạo nền tảng cho sự phát triển của các DTTS. Như vậy, huy động, sử dụng nguồn lực trong vùng DTTS là quá trình điều động và dùng tất cả các yếu tố vật chất cũng như các yếu tố phi vật chất thuộc địa bàn người DTTS sinh sống tạo nền tảng phục vụ cho sự phát triển của các vùng DTTS cũng như xây dựng và phát triển đất nước.

2.2. Các yếu tố cấu thành nguồn lực trong vùng dân tộc thiểu số

Cùng với sự thay đổi theo thời gian, sự vận động trong quá trình phát triển của xã hội loài người cũng như dưới các góc độ tiếp cận khác nhau, nguồn lực có thể được chia thành nhiều loại với các yếu tố cấu thành khác nhau. Khi bàn về nguồn lực của sự phát triển, các nhà kinh tế học thường dựa trên sự đóng góp của các nguồn lực vào mức tăng trưởng kinh tế, bao gồm những yếu tố vật chất ở đầu vào như vốn, máy móc thiết bị, vật tư, nguồn tài nguyên được sử dụng, sức lao động, … và các yếu tố phi vật chất như tổ chức, chính sách, quản trị, bí quyết công nghiệp, … [7]. Nếu như Adam Smith - một nhà kinh tế học người Scotland cho rằng nguồn lực bao gồm đất đai, vốn, và lao động thì Rodrik - một nhà kinh tế học người Thổ Nhĩ Kỳ lại cho rằng nguồn lực không chỉ được phân rã thành ba yếu tố mà cần phải bổ sung thêm các nhân tố như địa lý, thể chế [8, Tr. 634]. Nhìn chung, tùy từng góc độ tiếp cận mà xác định nguồn lực khác nhau. Nguồn lực khi tiếp cận dưới góc độ đơn giản hoá thì có thể được xem xét bao gồm hai yếu tố là vốn, lao động, thậm chí chỉ còn lại yếu tố vốn. Ngược lại, nguồn lực khi tiếp cận dưới góc độ đa chiều và được phân loại thành nguồn lực ngoại sinh, NL nội sinh, bán ngoại sinh, nguồn lực nội lực và nguồn lực ngoại lực, ...

Tại Việt Nam, tác giả Lê Du Phong (2006) cho rằng phân loại nguồn lực ra thành hai nhóm là nhóm các yếu tố vật chất và nhóm các yếu tinh thần. Trong đó, các yếu tố vật chất của nguồn lực bao gồm các loại nguồn lực chính cho quá trình phát triển kinh tế như nguồn lực con người (nguồn nhân lực), nguồn lực đất đai và tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực vốn tài chính, nguồn lực khoa học công nghệ. Các yếu tố tinh thần của NL bao gồm các yếu tố phi vật thể như nguồn lực văn hóa [2].

Trong khi đó, nhóm tác giả Ngô Doãn Vịnh và cộng sự (2011) lại cho rằng nguồn lực phải là dạng vật chất, phải "sờ, nắm" được để có thể huy động chúng vào quá trình sản xuất như vốn đầu tư, tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, thông tin, dự trữ quốc gia. Nhóm tác giả cho rằng nguồn lực có thể được phân loại thành nguồn lực tiềm năng và nguồn lực đang sử dụng; nguồn lực khan hiếm, nguồn lực có khả năng tái tạo và nguồn lực có đặc tính vĩnh cửu. Nguồn lực được hiểu và nghiên cứu ở dạng khan hiếm và mục tiêu là phải sử dụng, phân bổ chúng một cách hiệu quả nhất, tối ưu nhất [3].

Theo tác giả Hà Thị Thuận và cộng sự, nguồn lực phát triển KT-XH là tổng thể các nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên, tài sản quốc gia, khoa học công nghệ, tài chính, thời gian và con người có thể huy động trước mắt và lâu dài cho phát triển KT-XH. Ở tầm vĩ mô, nguồn lực liên quan đến các yếu tố đầu vào của các hoạt động KT-XH. Ở tầm vi mô, nguồn lực là các yếu tố cấu thành chi phí sản xuất của các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ [9].

Theo giả Dương Trần Việt, (2014), nguồn lực bao gồm 03 yếu tố là nguồn nhân lực, nguồn vật lực và

nguồn tài lực. Nếu căn cứ theo nguồn gốc của nguồn lực, có thể chia NL thành hai nhóm là nguồn lực trong nước và nguồn lực ngoài nước [4]. Tác giả Đoàn Minh Huấn (2022) cho rằng, đối với một quốc gia, một địa phương, hoặc một doanh nghiệp, nguồn lực được hiểu là toàn bộ tài nguyên thiên nhiên, tài sản quốc gia, vị trí địa lý, quy mô thị trường, vốn, trình độ khoa học - công nghệ, sức mạnh văn hóa, con người, thể chế chính trị... tạo lợi thế, sức cạnh tranh của quốc gia, của địa phương, của doanh nghiệp trong quản lý và phát triển. Có những loại nguồn lực do thiên nhiên ban tặng, thường gọi là nguồn lực tự nhiên, như điều kiện địa lý, tài nguyên đất đai, khoáng sản, nguồn nước, năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các loại tài nguyên sinh vật và phi sinh vật khác trên mặt đất, trong lòng đất, dưới đại dương..., đóng vai trò là những yếu tố đầu vào cực kỳ quan trọng cho sản xuất. Nguồn lực phi tự nhiên là các loại nguồn lực chủ yếu được tạo ra bởi chính bàn tay, khối óc của con người, như thể chế quản lý, nhân lực, vốn, giá trị văn hóa, khát vọng phát triển, tư duy lãnh đạo, sở hữu trí tuệ, ... [6].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu khi nói về nguồn lực thường nói đến các yếu tố như vốn đầu tư, lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, khoa học - công nghệ, … Trong bài viết, tác giả cho rằng cần xem xét nguồn lực ở tất cả các phương diện, các góc độ khác nhau. Đồng thời, bài viết xác định các yếu tố cấu thành nguồn lực theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị, bao gồm nguồn nhân lực; nguồn vật lực; và nguồn tài lực.

Trên cơ sở các yếu tố cấu thành nguồn lực, có thể hiểu các yếu tố cấu thành nguồn lực trong vùng DTTS bao gồm các yếu tố về 1) Nguồn nhân lực, 2) Nguồn vật lực, 3) Nguồn tài lực của vùng dân tộc thiểu số, tạo nền tảng cho sự phát triển của các dân tộc thiểu số cũng như sự phát triển của đất nước. Cụ thể:

2.3. Nguồn nhân lực trong vùng dân tộc thiểu số

Theo Liên Hợp quốc, nguồn nhân lực là tất cả những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, năng lực và tính sáng tạo của con người có quan hệ tới sự phát triển của mỗi cá nhân và của đất nước. Theo Ngân hàng thế giới, nguồn nhân lực là toàn bộ vốn con người bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng nghề nghiệp… của mỗi cá nhân. Theo Tổ chức Lao động quốc tế, nguồn nhân lực của một quốc gia là toàn bộ những người trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động [10].

Dưới góc độ nguồn lực của một quốc gia, có thể hiểu nguồn nhân lực là nguồn cung cấp sức lao động cho xã hội, bao gồm toàn bộ dân cư có khả năng lao động. Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện ở các mặt như sức khoẻ; trình độ văn hoá; trình độ chuyên môn- kỹ thuật; năng lực thực tế về tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; tính năng động xã hội (khả năng sáng tạo, thích ứng, linh hoạt, nhanh nhạy với công việc và xã hội; mức độ sẵn sàng tham gia lao động,…); phẩm chất đạo đức, tác phong, thái độ đối với công việc và môi trường làm việc; hiệu quả hoạt động lao động của nguồn nhân lực; thu nhập, mức sống và mức độ thoả mãn nhu cầu cá nhân của người lao động [11].

Từ đó, có thể hiểu, *nguồn nhân lực trong vùng DTTS là toàn bộ người dân thuộc các DTTS có khả năng lao động.* Tóm lại, việc huy động và sử dụng nguồn lực trong vùng DTTS dưới góc độ nguồn nhân lực là quá trình điều động và sử dụng toàn bộ người dân thuộc các DTTS có khả năng lao động vào trong quá trình xây dựng và phát triển vùng DTTS cũng như xây dựng và phát triển đất nước.

Trên thực tế hiện nay, nguồn nhân lực chất lượng cao của đồng bào 53 DTTS tại Việt Nam còn hạn chế. Lực lượng lao động đã qua đào tạo có tỷ lệ rất thấp và có sự phân hóa cao giữa các DTTS khác nhau [12]. Theo số liệu của Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê (2020), tỷ lệ lực lượng lao động là người DTTS được đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên ở nước ta vẫn còn thấp, chỉ chiếm 10,3%. Trong đó, tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo của nam DTTS là 11,7% cao hơn nữ dân tộc thiểu số là 8,9%), của khu vực thành thị là 23,2% cao hơn khu vực nông thôn chỉ có 8,8% [13, tr. 82-83]. Chính vì thế, để có thể huy động được nguồn nhân lực vùng DTTS, cần đẩy mạnh các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho lực lượng lao động DTTS cũng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DTTS nói chung. Với lực lượng lao động DTTS hùng hậu, nếu nguồn nhân lực DTTS được nâng cao chất lượng sẽ tạo nên nguồn sức mạnh to lớn góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển các vùng DTTS cũng như phát triển đất nước.

Đối với đồng bào DTTS, tuy trình độ lao động còn hạn chế nhưng bà con các dân tộc lại có nguồn lực văn hoá vô cùng to lớn như các phong tục tập quán, các hoạt động sinh hoạt tín ngưỡng, các tri thức địa phương,… gắn với mỗi tộc người, mỗi vùng đất mà các DTTS sinh sống. Từng tộc người có bản sắc văn hoá riêng [14, tr 29-30]. Với một đất nước đa dân tộc như Việt Nam, sự hiểu biết tri thức của các dân tộc là một nguồn lực vô cùng to lớn. Mỗi dân tộc đều có sự hiểu biết cũng như những kinh nghiệm liên quan trực tiếp đến khu vực mình sinh sống. Chính vì thế, việc huy động, sử dụng nguồn nhân lực vùng DTTS cần gắn với đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán, tri thức địa phương của mỗi dân tộc. Việc huy động và sử dụng nguồn lực văn hoá các dân tộc không những phát huy được tối đa sức mạnh nguồn nhân lực của mỗi dân tộc vào quá trình phát triển chính dân tộc đó và còn góp phần bảo vệ nguồn vật lực tại địa bàn mỗi cộng đồng đang sinh sống.

2.4. Nguồn vật lực trong vùng dân tộc thiểu số

Đối với mỗi quốc gia, nguồn vật lực là nguồn lực vật chất bao gồm công cụ lao động; đối tượng lao động; tài nguyên thiên nhiên như tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên biển, tài nguyên thuỷ điện, tài nguyên nước, tài nguyên khí hậu, vị trí địa kinh tế,… và cơ sở vật chất kỹ thuật đã tạo dựng như nhà cửa, công trình công cộng, đường sá, hải cảng, sân bay, hệ thống sản xuất và truyền tải điện, hệ thống cung cấp và thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống viễn thông và truyền thông [4].

Trên cơ sở đó, có thể hiểu nguồn vật lực trong vùng DTTS là toàn bộ nguồn lực vật chất bao gồm các điều kiện cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng và tài nguyên thiên nhiên trong vùng DTTS.

Như vậy, việc huy động và sử dụng nguồn lực trong vùng DTTS dưới góc độ nguồn vật lực là quá trình được thực hiện thông qua hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy huy động và sử dụng toàn bộ nguồn lực vật chất bao gồm các điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế- xã hội và tài nguyên thiên nhiên trong vùng DTTS vào xây dựng và phát triển vùng đồng bào DTTS, tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa vùng DTTS với nhau và với các vùng kinh tế khác.

Theo báo cáo của Uỷ ban Dân tộc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 05/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc, trong giai đoạn 2011 - 2021, Quốc hội, Chính phủ đã quan tâm chỉ đạo tập trung đầu tư phát triển KT-XH, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân vùng DTTS và miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ có mục tiêu của Chính phủ, vốn vay ODA và các nguồn đầu tư khác. Mặc dù vậy, do địa bàn sinh sống của đồng bào DTTS thường là vùng biên giới, vùng núi, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn nên nguồn lực vật chất, điều kiện kết cấu hạ tầng còn rất hạn chế, khó khăn. Do đó, trong quá trình huy động và sử dụng nguồn vật lực ở vùng DTTS, tại mỗi địa bàn cần lưu ý để tìm ra những lợi thế, thế mạnh riêng đảm bảo tính bền vững trong phát triển.

Tuy còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng nhưng vùng DTTS lại có lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tài nguyên thiên nhiên tại các vùng DTTS là một nguồn vật lực quan trọng. Trong quá trình huy động và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, cần chú trọng bảo tồn và phát huy, sử dụng có hiệu quả. Không sử dụng và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách tận diệt mang tính chất huỷ hoại. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên cần được khai thác một cách có hiệu quả nhưng đảm bảo tính bền vững.

2.5. Nguồn tài lực trong vùng dân tộc thiểu số

Nguồn tài lực là nguồn lực về tài chính, là khả năng tài chính mà các chủ thể trong xã hội có thể khai thác, sử dụng nhằm thực hiện các mục đích nhất định. Nguồn lực tài chính bao gồm các nguồn tiền tệ hoặc tài sản có thể nhanh chóng chuyển thành tiền trong nền kinh tế, có thể huy động để hình thành nên các quỹ tiền tệ phục vụ mục tiêu phát triển KT-XH của đất nước [15].

Nguồn tài lực trong vùng DTTS là NL tài chính bao gồm các nguồn tiền tệ hoặc tài sản có thể nhanh chóng chuyển thành tiền trong nền kinh tế của bà con vùng DTTS, có thể huy động để hình thành nên các quỹ tiền tệ phục vụ mục tiêu phát triển KT-XH trong vùng DTTS.

Như vậy, huy động nguồn lực tài chính vùng DTTS là một quá trình KT-XH được thực hiện thông qua

các chính sách, biện pháp và các hình thức mà Nhà nước, các tổ chức xã hội và các chủ thể kinh tế đưa ra và áp dụng nhằm chuyển các NL tài chính thuộc vùng DTTS từ các từ dạng tiềm năng thành các quỹ tiền tệ được sử dụng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS.

Do vùng DTTS thuộc nhóm có điều kiện kinh tế khó khăn nên việc huy động và sử dụng nguồn tài lực cần thực hiện theo hướng đẩy mạnh việc huy động nguồn lực tài chính từ các đơn vị kinh tế tư nhân như doanh nghiệp tư nhân, hộ cá thể; các đơn vị kinh tế nhà nước như chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức tài chính, … đầu tư vào phát triển kinh tế vùng DTTS. Ngoài ra, do giao thông đi lại khó khăn và điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế nên cần huy động các NL tài chính từ các cơ quan, tổ chức vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng vùng DTTS. Khi đó, vùng DTTS sẽ có cơ hội khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên hiệu quả để thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển. Có như thế, NL tài chính vùng DTTS mới ngày càng lớn mạnh.

3. Kết luận

Thông qua bài viết, tác giả đã đi sâu vào làm rõ một số vấn đề lý luận chung về huy động, sử dụng nguồn lực trong vùng DTTS như: làm rõ nội hàm của khái niệm huy động, sử dụng nguồn lực, vùng DTTS; NL trong vùng DTTS; các yếu tố cấu thành NL trong vùng DTTS; huy động các nguồn lực trong vùng DTTS để xây dựng và phát triển KT-XH vùng DTTS cũng như cả nước. Nội dung bài viết là cơ sở lý luận cho việc xác định, đo lường thực trạng nguồn lực các vùng DTTS để có được cơ sở thực tiễn đưa ra các giải pháp hiệu quả phát huy các nguồn lực vùng DTTS trong xây dựng và phát triển đất nước. Tất cả các NL trong vùng DTTS phải được huy động và sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững vùng DTTS cũng như phát triển bền vững đất nước. Trong quá trình huy động và sử dụng các nguồn lực của đất nước trong đó có nguồn lực vùng DTTS, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực và huỷ hoại môi trường.

Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

[2] Lê Du Phong (2006), *Nguồn lực và động lực phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Ngô Doãn Vịnh, Bùi Tất Thắng, Nguyễn Hoàng Hà (2011), *Nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020,* NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[4] Dương Trần Việt (2014), *Huy động các nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới ở huyện thường tín Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế Chính trị, Học viện Chính trị.

[5] Nguyễn Văn Thạo (2017), *Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển đất nước*, trong kỷ yếu hội thảo *"Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển đất nước- vấn đề và giải pháp"*, Hội đồng Lý luận Trung ương.

[6] Đoàn Minh Huấn (2022), *Nguồn lực và động lực cho thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thích ứng an toàn - Nhìn từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh*, nguồn: https://www.tapchicongsan.org.vn.

[7] Ngô Doãn Vịnh (2011), *Nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2020*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[8] Snowdon, B. và Vane, H.R. (2005) *Modern Macroeconomics: its origins, development and current state*, NXB Edward Elgar, Cheltenham, Vương quốc Anh. tr. 634

[9] Hà Thị Thuận, Hoàng Văn Hoan, Phạm Thị Thu Hương (2014) *Huy động nguồn lực tài chính từ khu vực kinh tế tư nhân trong ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam*, Tạp chí Khí tượng thủy văn, tháng 07.

[10] Nguyễn Sinh Cúc (2014), *Nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực*, nguồn: http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/tu-dien-mo/item/788-nguon-nhan-luc-va-phat-trien-nguon-nhan-luc.html.

[11] Nguyễn Tiệp (2005), *Giáo trình Nguồn nhân lực,* NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.

[12] Irish Aid, Ủy ban dân tộc, UNPD. (2017), *Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số*.

[13] Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019,* NXB Thống kê, Hà Nội. tr. 82-83.

[14] Trần Hậu (chủ nhiệm đề tài, 2019), *Một số vấn đề lý luận cơ bản về dân tộc trong thế giới đương đại và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2016- 2020 "những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2023"*, Mã số CTDT.01.16/16-20. tr. 29-30.

[15] Trần Phương Anh (2020), *Huy động nguồn lực tài chính phát triển cơ sở hạ tầng giao thông ở Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, kỳ 01 tháng 11.